

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa
2. Ông Nguyễn Việt Tú

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2022/TLST- HNGĐ 25/4/2022 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: khu H, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- Bị đơn: Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu H, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Công T trình bày: anh và chị Vũ Thị Thanh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 06/11/2014. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian

khoảng bảy năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H đi làm nhưng không chung thủy với anh, anh đã không cho chị H đi làm nhưng chị cố tình trốn đi không được sự đồng ý của anh. Anh và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo chị H nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 01/2020 mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng với chị H không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, đời sống chung không thể kéo dài, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

+ Tại các bản tự khai ngày 28/4/2022, bị đơn là chị Vũ Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Nguyễn Công T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 06/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh T tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhưng vợ chồng ăn riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2021 chị đi làm ăn ở xa, anh T không tin tưởng chị, hay ghen tuông, nghi ngờ chị không chung thủy, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T chửi xúc phạm và gây áp lực cho chị về tinh thần. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02/2022 đến nay. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh T có bảo chị về xin lỗi bố mẹ anh để vợ chồng đoàn tụ, sau đó anh tiếp tục cho chị đi làm nhưng tiền công và điện thoại của chị thì anh T phải quản lý. Do anh T ra điều kiện với chị nên chị không về đoàn tụ. Nay anh T xin ly hôn thì chị cũng nhất trí vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa.

- Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/7/2016 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/01/2019, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì 02 con chung đang ở với chị H và bố mẹ đẻ chị H.

Nếu ly hôn anh T xin nuôi con chung là cháu Nguyễn Khánh L, để chị H nuôi cháu Nguyễn Tiến Đ. Chị H xin được nuôi 02 con nếu không được thì chị xin nuôi con nhỏ là Nguyễn Tiến Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Hai bên đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là anh Nguyễn Công T có mặt, bị đơn là chị Vũ Thị Thanh H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của chị H theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê:

- Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa các đương sự đều

vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với khoản 1, 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Công T được ly hôn chị Vũ Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Công T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/7/2016, chị Vũ Thị Thanh H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/01/2019. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Công T, chị Vũ Thị Thanh H được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Công T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Công T và chị Vũ Thị Thanh H là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn chị H có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy việc thụ lý và giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Công T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Vũ Thị Thanh H vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Công T và chị Vũ Thị Thanh H đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy: “Anh Nguyễn Công T, chị Vũ Thị Thanh H chung sống với nhau một thời gian thì mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương và các ban ngành đoàn thể không rõ vì anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương, các ban ngành của địa phương hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng. Nay anh T xin ly hôn chị H, địa phương mong muốn Toà án hoà giải để anh chị đoàn tụ với nhau nhưng nếu anh T vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật trên cơ sở tôn trọng quan điểm của các đương sự”.

Quá trình giải quyết vụ án nhận thấy giữa anh Nguyễn Công T và chị Vũ Thị Thanh H có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, trong thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2019 đến khi anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị H, anh T đã nhiều lần xin lỗi chị H với mong muốn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H vẫn cương quyết không về đoàn tụ với anh T. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực tế không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không Đ được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh T xin ly hôn chị H để ổn định cuộc sống, chị H cũng nhất trí yêu cầu xin ly hôn của anh T vì cố nứu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho hai bên. Việc xin ly hôn của anh T và sự đồng ý ly hôn của chị H phù hợp với thực trạng chung sống của vợ chồng nên cần cho anh T, chị H được ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Công T có nghề nghiệp lao động tự do, chị Vũ Thị Thanh H có nghề nghiệp là công nhân, anh chị đều có thu nhập, chỗ ở ổn định và đều có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tuy nhiên hiện tại chị H đi làm công nhân, thời gian chăm sóc con chung có hạn chế nếu giao cả 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được việc chăm sóc cũng như chất lượng cuộc sống của cả 02 con chung mà nên giao cho mỗi người một con để trông nom, chăm sóc, nuôi dạy các con chung được đảm bảo. Hơn nữa quá trình giải quyết chị H cũng đã có quan điểm trình bày nếu chị không được nuôi cả hai con chung thì chị xin nuôi cháu Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy anh T, chị H đều có đủ điều kiện nuôi con và việc xin nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung của anh T, chị H là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giao cháu Nguyễn Khánh L cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Quá trình giải quyết các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung; Về công sức: Quá trình giải quyết các đương sự đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: anh Nguyễn Công T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử :

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công T được ly hôn chị Vũ Thị Thanh H.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Công T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/7/2016; Chị Vũ Thị Thanh H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/01/2019, kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung T niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Công T, chị Vũ Thị Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Công T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007840 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh Nguyễn Công T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ ngày bản án được giao hợp lệ cho các đương sự hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thảo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

CÁC T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thảo

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi
T viên Hội đồng xét xử đều nhất trí.

phút cùng ngày, đã thông qua các

CÁC T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thảo

